

Bản án số: **01/2025/DS - ST**

Ngày: 20/01/2025

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Ba Duy và bà Triệu Thị Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N; trụ sở: số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân K - Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện V; người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Hoàng Văn Đ - Trưởng phòng Khách hàng chi nhánh huyện V, có mặt;

- **Bị đơn:** Bà Ngô Minh H, sinh năm 1991, vắng mặt

Nơi cư trú: xóm T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên;

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1985, nơi cư trú: tổ dân phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện của Nguyên đơn trình bày:

Thực hiện ủy quyền của Ngân hàng N, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện V (viết tắt là A chi nhánh huyện V) đã ký kết với bà Ngô Minh H các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 8504-LAV-201701073 ngày 05/5/2017, phương thức cho vay: từng lần, vay qua lương; mục đích vay: Mua sắm đồ dùng gia

định; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 11,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thỏa thuận.

Số tiền vay 70.000.000 đồng; ngày giải ngân: 05/5/2017; giải ngân bằng tiền mặt; thời hạn cho vay 60 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là 05/5/2022; trả gốc tiền vay theo định kỳ: 01 tháng/kỳ vào ngày 31 hàng tháng, trả số tiền 1.170.000 đồng/kỳ, số lẻ còn lại trả vào kỳ cuối, cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Ngày 27/01/2022 Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất cho vay đối với bà H từ 11,5%/năm giảm xuống còn 4,86%/năm.

Bà Ngô Minh H đã trả nợ được 12 kỳ (khấu trừ trực tiếp vào tiền lương của bà H), còn nợ lại tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ: nợ gốc 55.960.000 đồng, quá hạn lãi, gốc từ ngày 10/7/2018;

- Hợp đồng thấu chi số 8504-LAV-201701343 ngày 30/5/2017, mục đích vay: Vay tiêu dùng qua tài khoản thấu chi; hạn mức thấu chi: 50.000.000 đồng; lãi suất cho vay thấu chi: 09%/năm tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn cấp hạn mức thấu chi là 12 tháng kể từ ngày 30/5/2017; cho vay thấu chi không có bảo đảm bằng tài sản.

Ngày 27/01/2022 Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất cho vay đối với bà H từ 09%/năm giảm xuống còn 4,86%/năm.

Bà Ngô Minh H còn nợ tiền gốc 60.774.964 đồng, quá hạn lãi, gốc từ ngày 10/06/2018;

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/4/2017; số thẻ 1704000200, số thẻ được thể hiện trên thẻ cấp cho người vay, số thẻ tự sinh trên hệ thống của Ngân hàng tương ứng với thông tin cá nhân của người vay.

Hạn mức tín dụng thẻ: 50.000.000 đồng; cho vay không đảm bảo tài sản; thời hạn hiệu lực của thẻ là 02 năm kể từ ngày phát hành, lãi suất cho vay 13%/năm tại thời điểm ký hợp đồng, mức lãi suất có thể thay đổi theo quy định của A trong từng thời kỳ, lãi suất được tính từ ngày tiếp theo của ngày rút tiền, ngày đến hạn thanh toán là 25 ngày, kể từ ngày sao kê, ngày sao kê quy định là ngày 10 hàng tháng.

Bà Ngô Minh H còn nợ lại tiền gốc 113.233.448 đồng.

Từ ngày các giấy nhận nợ trên đến hạn thanh toán, Bà Ngô Minh H không thanh toán nợ gốc, nợ lãi (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) cho A Chi nhánh huyện V, tiền lãi phát sinh được tiếp tục tính theo thỏa thuận.

Tổng dư nợ Hợp đồng tín dụng số 8504LAV201701073 ngày 05/5/2017 (tạm tính đến hết ngày 20/01/2025) là 69.684.937 đồng; trong đó: T vay gốc là 55.960.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 13.724.937 đồng.

Tổng dư nợ Hợp đồng tín dụng số 8504LAV201701343 ngày 30/5/2017 (tạm tính đến hết ngày 20/01/2025) là 74.443.217 đồng; trong đó: T vay gốc là 60.774.964 đồng, tiền lãi quá hạn là 13.668.253 đồng.

Tổng dư nợ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1704000200 ngày 12/4/2017 (tính đến kỳ sao kê gần nhất ngày 10/01/2025) là 113.233.448 đồng; trong đó: T vay gốc là 112.412.154 đồng, tiền lãi quá hạn là 821.294 đồng.

Từ khi bà Ngô Minh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay, A Chi nhánh huyện V đã rất nhiều lần làm việc, đôn đốc trả nợ, đến nay bà Ngô Minh H vẫn không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Ngân hàng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Ngân hàng N, để thu hồi vốn của Nhà nước, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Ngô Minh H thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng N: Tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 20/01/2025 là: 257.361.602 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm linh hai đồng) trong đó: T vay gốc là 229.147.118 đồng, tiền lãi quá hạn 28.214.484 đồng.

Bị đơn trình bày:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý vụ án và thời gian tiến hành tố tụng nhưng Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P trình bày:

Ông P và bà Ngô Minh H là vợ chồng, từ khi kết hôn vợ chồng không chung sống cùng nhau, ông P vẫn ở T, Đ, thành phố T, bà H sống cùng bố mẹ đẻ ở T, T, Võ Nhai . Vợ chồng chỉ thỉnh thoảng gặp nhau, hoặc về thăm nhau. Từ khoảng năm 2014 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Lần gần nhất ông P gặp bà Ngô Minh H là khoảng năm 2022, đến nay ông P không gặp lại bà H lần nào. Hiện ông P không biết bà H đang ở đâu, chỉ biết đang đi làm thuê. Ông P không biết việc bà H vay nợ Ngân hàng và còn nợ Ngân hàng. Ông P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do vợ chồng không cùng chung sống nên không có việc mua sắm đồ dùng gia đình. Ông P không được sử dụng khoản tiền vay này, không liên quan đến việc bà H vay nợ nên từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông P tại tất cả các phiên làm việc, phiên họp, phiên tòa. Đề nghị Tòa án xem xét xử theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn vắng mặt, các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên phải đưa ra xét xử tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án dân sự tranh chấp về Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N và bà Ngô Minh H thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn khi ký kết hợp đồng có nơi cư trú tại huyện V, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Đối với Bị đơn: quá trình Tòa án giải quyết vụ án Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú được chính quyền địa phương xác định Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên nhưng hiện không còn sinh sống tại địa phương, đi đâu, làm gì, không biết. Chồng của Bị đơn cũng không biết hiện nay Bị đơn đang ở đâu. Do chưa có căn cứ về việc Bị đơn nhận được thông tin về việc niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng, Tòa án đã ban hành Quyết định Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và gửi Đài tiếng nói Việt Nam, Báo Công lý theo Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự; tiến hành tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định tại nơi cư trú của Bị đơn theo quy định. Tại phiên toà Bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn P đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

2. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thấy:

Hợp đồng tín dụng số 8504LAV201701073 ngày 05/5/2017; Hợp đồng thấu chi số 8504 LAV201701343 ngày 30/5/2017; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1704000200 ngày 12/4/2017 được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên và thực hiện bảo đảm theo quy định của pháp luật.

- Hợp đồng tín dụng số 8504LAV201701073 ngày 05/5/2017 Bị đơn đã được nhận giải ngân ngày 05/5/2017 số tiền 70.000.000 đồng, thể hiện tại trang 4 của Hợp đồng tín dụng.

Theo Điều 4 Hợp đồng về thời hạn cho vay, phương thức và kỳ hạn trả nợ thì hai bên thỏa thuận: Thời hạn cho vay 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 05/5/2022, Bị đơn trả định kỳ 01 tháng/kỳ vào ngày 31 hàng tháng, trả số tiền 1.170.000 đồng/kỳ, số lẻ còn lại trả vào kỳ cuối.

Bị đơn thỏa thuận trả cho Nguyên đơn bằng phương thức hàng tháng Nguyên đơn tự động trích tài khoản tiền gửi thanh toán của Bị đơn số 8504205042667 mở tại A chi nhánh huyện V hoặc trả nợ bằng tiền mặt.

Tại phụ lục Hợp đồng theo dõi dư nợ thẻ hiện Bị đơn đã trả được 12 kỳ, kỳ cuối là ngày 15/5/2018, còn nợ lại số tiền gốc 55.960.000 đồng. Từ đó đến nay Bị đơn chưa trả thêm cho Nguyên đơn số tiền nào.

Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng, Bị đơn và ông Nguyễn Văn P là vợ chồng hợp pháp, xác định là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên Hợp đồng chỉ có duy nhất Bị đơn ký tên Bên vay, mục đích Bị đơn vay để mua sắm đồ dùng gia đình, vì không lấy được ý kiến của Bị đơn nên không xác định được đồ dùng gia đình mà Bị đơn mua sắm là gì, có phải vay để phục vụ nhu cầu thiết yếu không, còn ông P thì xác định không biết việc Bị đơn vay và nợ Ngân hàng, 02 vợ chồng đã ly thân từ năm 2014, thực tế vợ chồng không sống cùng một nơi, không sắm sửa đồ đạc gì nên không đủ căn cứ vững chắc để xác định đây là nợ chung của vợ chồng nên không có căn cứ buộc ông P liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng Bị đơn.

- Hợp đồng thấu chi số 8504-LAV-201701343 ngày 30/5/2017, mục đích vay tiêu dùng qua tài khoản thấu chi; hạn mức thấu chi: 50.000.000 đồng; thời hạn cấp hạn mức thấu chi là 12 tháng kể từ ngày 30/5/2017; Bị đơn được cấp thấu chi trên tài khoản tiền gửi thanh toán số 8504205042667 của Bị đơn, Bị đơn đã rút tiền từ tài khoản nhiều lần, còn nợ tiền gốc 60.774.964 đồng, quá hạn lãi, gốc từ ngày 10/6/2018;

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1704000200 ngày 12/4/2017;

Bà H được cấp tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng, đã rút số tiền tổng cộng 49.300.550 đồng, thẻ hiện tại kỳ sao kê ngày 10/5/2017. Sau khi rút hết hạn mức thẻ tín dụng, kỳ sao kê tiếp theo sẽ thể hiện lãi, do Bị đơn không thanh toán hết dư nợ nên số tiền lãi đã được nhập vào số tiền nợ gốc, theo bản sao kê tài khoản thẻ tín dụng ngày 10/01/2025 số dư nợ của Bị đơn là 113.233.448 đồng, trong đó nợ gốc 112.412.154 đồng, lãi quá hạn là 821.294 đồng.

- Việc thỏa thuận lãi suất của Nguyên đơn và Bị đơn trong các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thấu chi, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế là sự tự nguyện của các bên, phù hợp với các Quyết định của Ngân hàng về điều chỉnh mức lãi suất với từng thời điểm, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào dư nợ gốc và lãi suất hai bên thỏa thuận, Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi tính đến ngày 20/01/2025 tại Bảng kê thu lãi, B kê lãi tiền vay và Sao kê tài khoản thẻ tín dụng ngày 10/01/2025 do Nguyên đơn cung cấp là phù hợp.

Như vậy tính đến ngày 20/01/2025 Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền 257.361.602 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn,

sáu trăm linh hai đồng) trong đó: T vay gốc là 229.147.118 đồng, tiền lãi quá hạn 28.214.484 đồng. Trong đó:

Tổng dư nợ Hợp đồng tín dụng số 8504LAV201701073 ngày 05/5/2017 (tạm tính đến hết ngày 20/01/2025) là 69.684.937 đồng; trong đó: T vay gốc là 55.960.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 13.724.937 đồng.

Tổng dư nợ Hợp đồng thấu chi số 8504LAV201701343 ngày 30/5/2017 (tạm tính đến hết ngày 20/01/2025) là 74.443.217 đồng; trong đó: T vay gốc là 60.774.964 đồng, tiền lãi quá hạn là 13.668.253 đồng.

Tổng dư nợ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1704000200 ngày 12/4/2017 (tính đến kỳ sao kê gần nhất ngày 10/01/2025) là 113.233.448 đồng; trong đó: T vay gốc là 112.412.154 đồng, tiền lãi quá hạn là 821.294 đồng.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình Toà án giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, đánh giá quan điểm của Bị đơn.

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến hết ngày 20/01/2025 là 257.361.602 đồng theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thấu chi, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hết 6.000.000 đồng, Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 7.000.000 đồng, Tòa án đã trả lại Nguyên đơn 1.000.000 đồng. Mặc dù giữa các đương sự không có thỏa thuận về việc bên nào phải chịu chi phí tố tụng trong trường hợp phải giải quyết tranh chấp các Hợp đồng tại Tòa án, nhưng toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định. Buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn số tiền 6.000.000 đồng chi phí tố tụng mà Nguyên đơn đã nộp tạm ứng.

- Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai về áp dụng pháp luật, đường lối giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 180, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc Bà Ngô Minh H phải trả cho Ngân hàng N tổng cộng số tiền tính đến ngày 20/01/2025 là: 257.361.602 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, sáu trăm linh hai đồng) trong đó: T vay gốc là 229.147.118 đồng, tiền lãi quá hạn 28.214.484 đồng, cụ thể:

Số tiền phải trả theo Hợp đồng tín dụng số 8504LAV201701073 ngày 05/5/2017 (tạm tính đến hết ngày 20/01/2025) là 69.684.937 đồng; trong đó: T vay gốc là 55.960.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 13.724.937 đồng.

Số tiền phải trả theo Hợp đồng thấu chi số 8504LAV201701343 ngày 30/5/2017 (tạm tính đến hết ngày 20/01/2025) là 74.443.217 đồng; trong đó: T vay gốc là 60.774.964 đồng, tiền lãi quá hạn là 13.668.253 đồng.

Số tiền phải trả theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 1704000200 ngày 12/4/2017 (tính đến kỳ sao kê gần nhất ngày 10/01/2025) là 113.233.448 đồng; trong đó: T vay gốc là 112.412.154 đồng, tiền lãi quá hạn là 821.294 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2.1. Về chi phí tố tụng: Bà Ngô Minh H phải trả cho Ngân hàng N số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

2.2. Về án phí: Buộc bà Ngô Minh H phải chịu 12.868.080 đồng (mười hai triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 6.300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006691 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- Dương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thanh Huyền

